

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

- Bản án số: 19/2019/ĐS - ST
- Ngày: 11 - 9 - 2019
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản* ".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Phương Lan;
2. Ông Vũ Văn Hợp.

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà **Danh Thị Mai L**, sinh năm: 1974;
Địa chỉ: ấp M, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
(Bà L có mặt tại phiên tòa)
2. Bị đơn: Bà **Lâm Thị P**, sinh năm: 1969;
Địa chỉ: ấp H, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
(Bà P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 21-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Danh Thị Mai L trình bày như sau: N vào ngày 16/12/2016 (âm lịch)

nhằm ngày 13/01/2017 (dương lịch) bà Lâm Thị P đến nhà bà mượn tiền của bà để đi đáo hạn Ngân hàng chính sách, do bà P làm tổ vay vốn ngân hàng Chính Sách. Đến ngày nộp tiền vay của Ngân hàng thì các hội viên không trả tiền nên bà P không đủ tiền nộp cho Ngân hàng nên đã đến gặp bà để mượn tiền. Lần thứ nhất vào ngày 16/12/2016(AL) nhằm ngày 13/01/2017 (dương lịch) bà P mượn số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng), bà P cam kết mượn 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất 320.000đ/ngày/32.000.000đ. Qua 10 ngày bà qua nhà bà P lấy tiền nhưng bà P nói Ngân hàng chưa cho vay nên chưa có tiền trả cho bà. Sau đó khoảng 20 ngày sau bà gặp bà P và ông N ở quán Cafe Vạn An lúc đó bà đòi tiền bà P thì ông N nói với bà là “ đừng sợ khi nào Ngân hàng chính sách cho vay lại thì sẽ trả tiền cho chị”. Sau đó bà có gặp bà P và ông N nhiều lần nữa nhưng bà P chỉ hứa mà không thực hiện. Đến ngày 27/3/2017 (dương lịch) bà gặp ông N và bà P, lúc đó ông N có nói hiện tại còn thiếu 23.000.000đ để trả Ngân hàng nữa thì Ngân hàng mới cho vay lại. Lúc đó ông N mới nói với bà cho bà P vay thêm 23.000.000đ nữa đi, chiều vay được tiền thì sẽ trả cho bà luôn. Do bà thấy vậy và tin lời ông N nên bà mới cho bà P vay thêm 23.000.000đ, thỏa thuận lãi suất một ngày 230.000đ, bà P có làm biên nhận 27/3/2017 (dương lịch). Tổng cộng 02 lần vay bà P vay của bà với số tiền vay gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng). Sau khi vay bà P không đóng lãi cho bà, bà đã nhiều lần gặp bà P để yêu cầu thanh toán nợ trên. Đến cuối năm 2017 (dương lịch) bà P có trả cho bà 04 lần tiền gốc với số tiền là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng):

- Lần 1 ngày 01/11/2017(dương lịch) trả được 4.000.000đ,
- Lần 2 ngày 16/11/2017(dương lịch) trả được 4.000.000đ,
- Lần 3 ngày 02/12/2017 dương lịch trả được 8.000.000đ,
- Lần thứ 4 ngày 20/12/2017 (dương lịch) trả được 10.000.000đ, tổng cộng bà P trả được cho bà số tiền gốc là 26.000.000đ, còn lại 29.000.000đ bà P không trả.

Tại phiên tòa bà Danh Thị Mai L yêu cầu: Buộc bà Lâm Thị P trả cho bà số tiền vay gốc là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay gốc 29.000.000đ từ ngày 01/01/2018 (dương lịch) đến nay.

2. Tại bản tự khai ngày 17-6-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Thị P trình bày tại Tòa án như sau: Vào khoảng tháng 10 năm 2015 bà có mượn của bà L số tiền 32.000.000đ, không có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất thỏa thuận 320.000/ngày, bà đóng lãi được đến cuối năm 2016 thì bà không có khả năng đóng lãi. Do thấy bà khó khăn nên bà L kêu bà đến nhà bà L để làm biên nhận ngày 16/12/2016 (âm lịch) nhằm ngày 13/01/2017 (dương lịch). Lúc đó bà L có nói kêu bà làm biên nhận có nợ bà L số tiền gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) rồi bà sẽ không tính lãi nữa khi nào có thì từ từ trả gốc cho bà L.

Khoảng tháng 10 năm 2016 (dương lịch) bà có mượn của bà L thêm số tiền là 12.000.000đ, không có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 120.000đ/ngày. Bà P đóng lãi được cho bà L được 11 ngày thì không đóng nữa. Đến ngày 27/3/2017 (DL) thì bà L có kêu bà đến nhà và làm biên nhận ngày 27/3/2017 thừa nhận là còn nợ bà L số tiền vay gốc là 23.000.000đ, bà L nói sẽ không tính lãi nữa. Tổng cộng 02 lần xác nhận nợ thì bà thừa nhận có nợ của bà L tổng cộng số tiền vay gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và đều có làm biên nhận có làm biên nhận.

Đến cuối năm 2017 bà đã trả cho bà L được 04 lần:

- Lần 1 ngày 01/11/2017(dương lịch) trả được 4.000.000đ,
- Lần 2 ngày 16/11/2017(dương lịch) trả được 4.000.000đ,
- Lần 3 ngày 02/12/2017 dương lịch trả được 8.000.000đ,
- Lần thứ 4 ngày 20/12/2017 (dương lịch) trả được 10.000.000đ, tổng cộng bà trả được cho bà L số tiền gốc là 26.000.000đ, còn lại 29.000.000đ bà chưa trả cho bà L. Do bà L đồng ý cho bà không trả phần lãi nữa do đó hiện tại bà chỉ còn nợ bà L số tiền gốc là 29.000.000đ (hai mươi chín triệu) nhưng bà P

xác nhận việc bà L nói kêu bà làm biên nhận thừa nhận còn nợ bà L gốc tổng cộng 02 lần vay số tiền 55.000.000đ theo 02 biên nhận trên và bà L không có tính lãi suất nữa chỉ yêu cầu bà trả gốc thì chỉ có bà với bà L biết, không có ai biết và chứng kiến cả và bà cũng không có gì chứng minh. Đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà L trước đó thì bà P xác định bà không yêu cầu Tòa án xem xét, vì bà đã tự nguyện đóng cho bà L.

Nay bà P xác nhận: Bà P thừa nhận hiện tại bà còn nợ bà L tổng cộng số tiền gốc là 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng) và thống nhất trả nợ cho bà L số tiền gốc trên nhưng yêu cầu bà L không tính lãi nữa. Nhưng do hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa có tiền khi nào người khác mượn tiền của bà trả cho bà thì bà sẽ thanh toán cho bà L.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. N đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Căn cứ Điều 471 và 478 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 463, Điều 466 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn để buộc bà Lâm Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Danh Thị Mai L số tiền nợ gốc là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/01/2018 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Lâm Thị P không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà P có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa N đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo bà L trình bày bà L và bà P có thỏa thuận cho bà P vay tiền nhiều lần vào năm 2017 vay tổng số tiền 55.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn thanh toán là 10 ngày. Sau đó, bà P chỉ thanh toán tiền vay gốc là 26.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay chưa thanh toán và các bên viết giấy vay tiền. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bà L yêu cầu bà P phải trả số tiền vay còn lại là 29.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01-01-2018 đến ngày 11- 9-2019 (bà L đồng ý làm tròn là 20 tháng). Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “ Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản ” thuộc trường hợp vay có kỳ hạn được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bà L khởi kiện bà P có địa chỉ ấp H, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. *Về nội dung*: Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả cho bà số tiền vay gốc còn lại 29.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13-01-2017 đến ngày 11-9-2019 (bà L đồng ý làm tròn là 31 tháng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử bà L đã cung cấp cho Tòa án giấy biên nhận các ngày 16-12-2016 (âm lịch) và ngày 27-3-2017(dương lịch). Trong quá trình giải quyết vụ án bà P cũng thừa nhận biên nhận nợ trên là của bà và số tiền vay của bà L tổng cộng là 55.000.000đ, hiện tại còn nợ lại của bà L là 29.000.000đ nhưng bà P xin gia hạn thêm thời gian khi nào bà mượn được tiền của người khác thì bà sẽ thanh toán cho bà L còn phần lãi suất bà P xin bà L không tính lãi nữa vì hiện nay hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn kinh tế nhưng bà L không đồng ý.

Bà L yêu cầu bà P phải thanh toán cho bà một lần số tiền nợ gốc còn lại là 29.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 13-01-2017 đến ngày 11-9-2019 (bà L đồng ý làm tròn là 20 tháng). Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà N đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của N đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa, bà L trình bày khoản tiền mà bà P còn nợ bà là nợ cá nhân bà P nên cần buộc bà P có trách nhiệm phải trả cho bà L số tiền trên là phù hợp.

[4] *Về lãi suất*: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L xác định trong thời gian vay tiền bà P không có thanh toán tiền lãi cho bà L nhưng có trả gốc được 26.000.000đ. Còn bà P thì cho rằng có thanh toán tiền lãi cho bà L nhưng bà không xác định được số tiền trả lãi cho bà L cụ thể bao nhiêu và bà cũng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh việc bà có trả lãi cho bà L để HĐXX xem xét. Mặc khác bà P cũng không yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi đã trả cho bà L nhưng bà P xin bà L không tính lãi trên số tiền nợ gốc còn lại.

Từ những phân tích trên Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà L, buộc bà P có nghĩa vụ thanh toán cho L số tiền vay gốc là 29.000.000đ và lãi từ ngày 01/01/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử 11/09/2019 là 20 tháng bà L đồng ý làm tròn 20 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận trong quá trình vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 30%/tháng, do đó mức lãi suất được tính theo khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm = 1,666%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vay gốc là 29.000.000đ x 1,666%/tháng x 20 tháng = 9.662.800đ.

Tổng cộng gốc lãi là 29.000.000đ + 9.662.800đ = 38.662.800đ.

Về thời gian và cách thức thanh toán: Bà P thanh toán số tiền nêu trên cho bà L như thế nào thì thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của N đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $38.662.800đ \times 5\% = 1.933.140$ đồng.

Bà L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà L tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Mai L.

2. Buộc Lâm Thị P có trách nhiệm thanh toán cho bà Danh Thị L số tiền vay gốc là 29.000.000 đồng, và tiền lãi 9.662.800đ, tổng cộng gốc và lãi 38.662.800đ (ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P không trả số tiền trên thì hàng tháng bà P còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà P phải có trách nhiệm nộp án phí số tiền là 1.933.140 đồng (một triệu chín trăm ba mươi ba ngàn một trăm bốn mươi đồng).

Bà L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 1.375.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0004966 ngày 24-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Bà L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách

